Cuộc vận động cách mạng tháng Tám (1939 - 1945)

1. Biến động mạnh mẽ của tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam trong thế chiến thứ II

1.1. Bối cảnh thế giới trong những năm đầu của Cuộc chiến tranh lần II

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai không chỉ là làm thay đổi cục diện chính trị trên thế giới mà còn tác dụng trực tiếp đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam.

Từ giữa những năm 30 của thế kỉ XX, các thế lực phát xít đã bành trướng ở nhiều quốc gia. Chúng câu kết với nhau, tiến hành chạy đua vũ trang, chuẩn bị gây chiến tranh thế giới. Ngày 25 – 11 – 1936, Đức và Nhật Bản kí kết "Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản". Một năm sau, ngày 6 – 11 – 1937, Italia tuyên bố tham gia Hiệp ước này. Trục Beclin – Rôma – Tôkyô hình thành. Liên minh phát xít đã mở rộng từ Châu Âu sang Châu Á.

Trong thời gian này, các cuộc chiến tranh xâm lược cục bộ đã được phát động ở một vài khu vực. Tháng 7 – 1937, Nhật Bản mở cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. do chính sách chống Nhật Bản tiêu cực của tập đoàn cầm quyền Tưởng Giới Thạch, quân Nhật trong một thời gian ngắn đã được nhiều thành phố,

trung tâm công nghiệp và các vị trí đầu mối giao thông quan trọng của Trung Quốc.

Tháng 7 – 1938, quân Nhật mở nhiều cuộc tấn công vào vùng hồ Khát-xan thuộc lãnh thổ Liên Xô để thăm dò. Trong khi đó, ở châu Âu, Anh và Pháp thực hiện chính sách nhượng bộ Phát xít Đức. Ngày 29 – 8 – 1938, chính phủ hai nước này kí với Đức một hiệp ước tại Muyních (Đức), chấp nhận cho Đức chiếm đóng Tiệp Khắc [1] với hy vọng hướng mũi tiến công của Đức về phía Đông, đáng Liên Xô.

Tháng 2 – 1939, Nhật chiếm đảo Hải Nam, phong tỏa hoàn toàn lục địa Trung Quốc. Tháng 3 – 1939, quân Nhật tấn công vào khu vực sông Khan Khin Gôn của Mông Cổ, khiêu khích Liên Xô. Hồng quân Liên Xô phối hợp với quân Mông Cổ tiêu diệt toàn bộ tập đoàn quân số 6 của Nhật Bản.

Ngày 23 – 8 – 1939, Liên Xô kí với Đức hiệp ước không xâm phạm, để tránh rơi vào tình thế bị tấn công từ hai phía Đông và Tây, đồng thời để tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng quốc phòng và triệt để lợi dụng mâu thuẩn giữa hai khối đế quốc và Phát xít.

Ngày 1 – 9 – 1939, Phát xít Đức mở cuộc tấn công Ba Lan, trái với những toan tính của Anh và Pháp.

Ngày 3 – 9 – 1939, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Ở nước Pháp, chính phủ Đalađiê lợi dụng tình hình chiến tranh thi hành

các biện pháp đàn áp Đảng cộng sản và lực lượng tiến bộ trong nước cũng như các nước thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ.

Ở đông Dương, toàn quyền Catơru bắt tay vào chiến dịch khủng bố. Ngày 8 – 9 – 1939, Catơru cấm mọi hoạt động chính trị, trước hết nhằm đánh vào Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức quần chúng của Đảng.

"Cấm hết thảy mọi hoạt động có tính chất trực tiếp hay gián tiếp tuyên truyền các khẩu hiệu của Quốc tế cộng sản hay những tổ chức do Quốc tế cộng sản kiểm soát.

Giải tán hết thảy các hội hữu ái hay cá nhân nào có liên hệ với Đảng Cộng sản mà hoạt động theo khẩu hiệu của Đệ tam Quốc tế cũng bị giải tán (...).

Cấm hết thảy những đồ in, phát hành, tặng hay bán, hay tưng bày, những đồ in hay tranh vẽ, nói chung là cấm hết thảy những tài liệu tuyên truyền của Đệ tam Quốc tế [11; 466 – 467]

Trên khắp đất nước Đảng viên Đảng Cộng sản bị truy lùng bắt bớ. Hàng ngàn người Cộng sản và yêu nước bị giam cầm trong các nhà tù. Hàng loạt báo chí cách mạng và tiế bộ bị đóng cửa.

V***ề kinh tế,*** chính quyền thực dân Pháp thực hiện chính sách "Kinh tế chỉ huy", tăng cường vơ vét tài nguyên, nhân lực của Đông Dương phục vụ cho chiến tranh ở nước Pháp. Trong diễn văn khai mạc Đại Hội đồng kinh tế và tài chính Đông Dương, tháng 11 – 1939, toàn quyền Ca-tơ-ru

nói :

“Dù có tham gia trực tiếphay không vào cuộc chiến Đông Dương cũng không được tự do có khuynh hướng riêngcủa nên kinh tế và tài chính của mình mà phải quy tụ nó vào những mục đích do mẫu quốc chỉ định. Đông Dương phải xác nhập hệ thống mậu dịch của mình vao hệ thống mẫu quốc, phát triển sản xuất của mình vì lợi ích của mẫu quốc, cung cấp những sản phẩm của đất đai và trong lòng đất mà nước Pháp đòi hỏi.

Đồng thời, Đông Dương phải để cho nước Pháp sử dụng nguồn nhân lực của mình, hoặc làm trong các công, binh xưởng, hoặc cung cấp những quân số quan trọng được tổ chức và biên chế để điều đến các chiến trường ở phương Tây [31;305]

Bước sang năm 1940, Đức bất ngờ đánh chiếm các nước Bắc Âu (Đan Mạch và Na Uy) và từ tháng 5 mở cuộc tấn công vào các nước tây Âu. Lợi dụng những khó khăn của Pháp phải đối phó với Đức ở Châu Âu, Nhật Bản tăng sức ép với chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.

Trong những tháng đầu năm 1940, máy bay Nhật Bản hai lần ném bom tuyến đường sắt Hải Phòng – Vân Nam của Pháp (đoạn nằm trên lãnh thổ Trung Quốc). Ngày 8 – 6 – 1940, Nhật Bản đe dọa sẽ dùng vũ lực nếu chính quyền Đông Dương không đóng cửa biên giới Việt - Trung. Đêm 16 – 9, toàn quyền Ca-tơ-ru đã chấp nhận yêu sách của Nhật.

Lúc này ở Châu Âu, quân Đức đánh tan các tuyến phòng thủ của Hà Lan, Bỉ, Pháp. Ngày 16 – 6 – 1940, quân Đức chiếm Pari, thủ đô của nước

Pháp. Ngày 22 – 6 – 1940, Chính phủ Pê-tanh kí hiệp ước đầu hàng Đức.

1.2. Tình hình Đông dương và những tác động đến Việt Nam từ 1939 đến 1945

Ở Đông Dương, toàn quyền Catơru bị triệu hồi. Ngày 20 – 7 – 1940, phó đô đốc Đơcu, nguyên Tư lệnh lực lượng hải quân Pháp ở Viễn Đông được bổ nhiệm làm toàn quyền Đông Dương.

Ngày 2 – 8 – 1940, Nhật Bản trao cho toàn quyền Đơcu một bức công hàm với nội dung: Pháp phải cho Nhật tự do chuyển quân trên lãnh thổ Đông Dương để đánh Trung Hoa Quốc dân Đảng; được sử dụng một số sân bay và bảo vệ những vị trí này ; Pháp phải giúp đỡ việc vận tải vũ khí và đạn dược cho quân đội Nhật. Ngoài ra Nhật Bản đòi được hưởng những điều kiện về thương mại bình đẳng với Pháp ở Đông Dương. Nếu bị từ chối, Bộ ngoại giao Nhật Bản sẽ tiến vào Đông Dương.

Ngày 19 – 9 – 1940, Bộ ngoại giao Nhật bản thông báo cho đại sứ Pháp ở Tôkiô rằng, ngày 22 – 9, quân đội Nhật sẽ vào Đông Dương dù có đạt được hiệp ước quân sự với Đơcu hay không.

Ngày 22 – 9, đại diện Pháp và Nhật đã kí kết một Hiệp ước, trong đó quy định :

1. Quân đội Nhật được quyền sử dụng 3 sân bay lớn ở Bắc Kỳ (các sân bay Gia Lâm, Hải Phòng, Phủ Lạng Thương).
2. Bộ tư lệnh Nhật có quyền đóng 6000 quân ở Bắc sông Hồng.

3. Quân đội Nhật được quyền đi qua Bắc Kì để lên đánh quân Tưởng Giới Thạch ở Vân Nam. Tổng số quân Nhật đồn trú trên đất Đông Dương không lúc nào được quá 25.000 người.
4. Sư đoàn quân Nhật ở Quảng Tây được quyền đi qua đồng bằng Bắc Kì để đi ra biển.

Mặc dù chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương chấp nhận những đòi hỏi của Nhật, vào lúc 22 giờ cùng ngày, Sư đoàn 5 Ngự lâm quân của Nhật do tướng Nakamura chỉ huy vượt biên giới Trung - Việt tấn công các vị trí quân Pháp ở Đồng Đăng và Lạng Sơn. Các vị trí quân Pháp ở Na Sầm, Đồng Đăng, Điểm He, Lộc Bình bị tiêu diệt. Ngày 24 – 9 quân Nhật tiến tới thị xã Lạng Sơn. Quân Pháp bỏ chạy về Đồng Mỏ, và ngày 25 – 9, kéo cờ trắng xin hàng.

Ngày 25 – 9 – 1940, ở một hướng khác, quân đoàn viễn chinh Đông Dương thuộc Pháp của Nhật do tướng Nishimura Takuma chỉ huy đổ bộ vào Đồ Sơn. Ngày hôm sau, 26 – 9, quân Nhật tiến vào chiếm đóng Hải Phòng không tốn một viên đạn.

Mặc dù quân Nhật đã làm chủ Bắc Đông Dương nhưng chúng vẫn chưa thỏa mãn. Ngày 14 – 7 – 1941, Nhật Bản đưa yêu sách cho Pháp đòi đưa quân vào Nam Đông Dương và được sử dụng ác sân bay, hải cảng ở khu vực này. Phía pháp đã chấp thuận.

Ngày 25 – 7 – 1941, một hạm đội Nhật gồm 4 chiến hạm, 12 tuần dương hạm thả neo ở Ô Cấp (Vũng Tàu).

Ngày 27 – 7 – 1941, tại Visi nước Pháp, đại diện của Nhật và Pháp kí hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương, với những điều khoản :

1. Pháp và Nhật cùng hợp tác quân sự trong việc phòng thủ chung Đông Dương.

2. Chính phủ Pháp đồng ý cho chính phủ Nhật những tiện nghi sau đây:

a. Gửi qua nam Đông Dương một số lượng bộ binh, hải quân, và không Nhật cần thiết.
b. Sử dụng như căn cứ không quân 8 điểm như: Siemreap, Phnom-Pênh, Tourane (Đà Nẵng), Nha Trang, Biên Hòa, Sài Gòn, Sóc Trăng và Kompong Trach và căn cứ hải quân: Sài Gòn và Cam Ranh.
c. Các đơn vị Nhật được toàn quyền thực tập và điều động không bị hạn chế bởi hiệp ước Nashihara – Martin (23 – 9 – 1940).
d. Chính phủ Pháp đồng ý cung cấp cho quân đội Nhật số tiền 23 triệu đồng trong tài khoản 1941, tức là 4,5 triệu đồng một tháng. Số tiền này sẽ được bồi hoàn, hoặc bằng "yên", hoặc bằng mỹ kim hay vàng. [29;45.]

Ngày 28 – 7 – 1941, quân Nhật đổ bộ lên đất Sài Gòn. Đến cuối năm 1941 đã có 125.000 quân Nhật đóng trên đất Đông Dương và thực chất đã làm chủ Đông Dương, tuy trên danh nghĩa Đông Dương vẫn là thuộc địa của Pháp
Chính sách thống trị của phát xít Nhật ở Đông Dương:

Về kinh tế, Nhật vẫn để hệ thống kinh tế của pháp ở Đông Dương tiếp

tục hoạt động, nhưng nắm quyền điều khiển nó. Với Hiệp định Tôkiô ngày 6 – 5 – 1941, phía Pháp thừa nhận địa vị đặc biệt ưu đãi của Nhật trong các quan hệ kinh tế ở Đông Dương, thực chất là Nhật độc chiếm Đông Dương.

Nhật Bản yêu cầu chính quyền thực dân Pháp để 50% giá trị nhập khẩu và 15% giá trị xuất khẩu của Đông Dương cho các công ty thương mại cho Nhật. Ngoài ra, nhật còn mua của Đông Dương mănggan, apatit, crôm, thiết, càphê,…với giá rẻ so với thị trường thế giới.

Một số công ty của Nhật cũng đầu tư vào những ngành cần cho những ngành quân sự như khai khoáng. Năm 1941, tư bản Nhật ở Đông Dương chiếm gần 50% tổng số vốn đầu tư của các công ty nước ngoài. Tư bản Nhật đặt vốn khai thác quặng mănggan và sắt ở Thái Nguyên, phốt phát ở Lào Cai và quặng Crôm ở Thanh Hóa.

Nhật bắt chính quyền thực dân Pháp hàng năm nộp cho chúng một khoản tiền khá lớn. Năm 1940, nộp 6 triệu đồng, năm 1941 – 58 triệu đồng, năm 1942 – 86 triệu đồng, năm 1943 – 117 triệu đồng, năm 1945 – 90 triệu đồng. Trong 4 năm 6 tháng, chính quyền thực dân Pháp phải nộp một khoản tiền là 723.786 nghìn đồng [15;145]

Về quân sự, Hiệp định ngày 29 – 7 – 1941 với danh nghĩa phòng thủ chung Đông Dương, quân Nhật được tự do di chuyển trên khắp lãnh thổ Đông Dương không hạn chế số lượng,… Hiệp định quân sự ngày 8 – 12 – 1941 nêu rõ chính quyền thực dân Pháp phải cung cấp các phương tiện chiến tranh, thiết lập các căn cứ quân sự, cung cấp vật chất cho quân đội Nhật. Chính quyền thực dân Pháp phải cam kết đàn áp phong

trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương, đảm bảo an ninh hậu phương cho quân Nhật.

Trong chiến tranh, việc giao thông vận tải có một vai trò quan trọng. Quân đội Nhật ở Đông Dương buộc Pháp phải để chúng sử dụng mọi phương tiện giao thông. Chúng kiểm soát hệ thống đường sắt, các tàu biển chở hàng có trọng tải 200.000 tấn đậu ở các cảng Đông Dương.

Quân Nhật còn cướp ruộng đất của nông dân để xây dựng trại lính, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu để phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

Về chính trị và tư tưởng, sau khi chiếm đóng Đông Dương, bọn quân phiệt Nhật không lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương mà sử dụng nó như một công cụ với ba mục đích: Thứ nhất, để đàn áp phong trào cách mạng Đông Dương, giữ yên hậu phương cho quân đội Nhật; thứ hai, để vơ vét, bóc lột sức người, sức của ở Đông Dương để phục vụ cho cuộc chiến tranh của Nhật; thứ ba, để che dấu bộ mặt xâm lược của mình, đóng vai "người giải phóng" nhân dân Châu Á. Chính sách đó khác với chính sách bọn Nhật thi hành ở các nước Đông Nam Á vì lợi dụng được tình hình Chính phủ Pháp đã đầu hàng Đức.

Chính sách của quân phiệt Nhật đối với thực dân Pháp ở Đông Dương là chính sách hai mặt. Trong khi "cộng tác" với Pháp, Nhật Bản ra sức tuyên truyền tư tưởng Đại Đông Á, như mở các phòng thông tin, xuất bản tạp chí Tân Á bằng tiếng Việt, mở các cuộc triển lãm bằng tranh ảnh,... Đồng thời Nhật cũng chú trọng xây dựng cơ sở xã hội cho mình.

VETHE2 By HighKin Pro.
Ebook-nhỏ.vn - Tải Ebooks, tài liệu miễn phí.